

QUYỀN THU GIỮ TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA KHOẢN NỢ XẤU THEO LUẬT SỐ 96/2025/QH15

● LÂM NGUYỄN THIÊN NHƠN

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)
Email: nhon.lamnguyenthien@gmail.com

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo Luật số 96/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Trên cơ sở phương pháp phân tích quy phạm, lịch sử pháp lý và tiếp cận chính sách, bài viết làm rõ sự chuyển dịch từ cơ chế thí điểm theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 sang cơ chế luật định chính thức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Luật số 96/2025/QH15 đã tạo ra bước tiến quan trọng khi ghi nhận quyền thu giữ ở cấp luật, thiết lập các điều kiện áp dụng chặt chẽ, tăng cường yêu cầu công khai thông tin và xác định vai trò hỗ trợ của chính quyền cấp xã, cơ quan công an cấp xã. Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Việt Nam.

Từ khóa: nợ xấu, tài sản bảo đảm, quyền thu giữ, tổ chức tín dụng, Luật số 96/2025/QH15.

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động ngân hàng, tài sản bảo đảm có ý nghĩa như một thiết chế pháp lý làm giảm thiểu rủi ro tín dụng, củng cố niềm tin của bên cho vay và tạo điều kiện để người vay tiếp cận vốn với chi phí hợp lý hơn. Tuy nhiên, giá trị pháp lý và giá trị kinh tế của tài sản bảo đảm chỉ thực sự được hiện thực hóa khi bên nhận bảo đảm có khả năng xử lý tài sản trong trường hợp nghĩa vụ được bảo đảm không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng. Nếu quyền xử lý tài sản chỉ tồn tại trên hợp đồng nhưng không thể vận hành trong thực tế, tài sản bảo đảm sẽ bị suy giảm chức

năng bảo đảm, còn nợ xấu sẽ tiếp tục làm tắc nghẽn dòng vốn trong hệ thống tín dụng.

Trước khi có cơ chế đặc thù về xử lý nợ xấu, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã ghi nhận các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm và nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm để xử lý. Tuy nhiên, trong trường hợp bên đang giữ tài sản không tự nguyện giao tài sản, bên nhận bảo đảm về cơ bản phải yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác [1]. Cách tiếp cận này bảo đảm sự thận trọng cần thiết đối với quyền tài sản, nhưng trong thực tiễn xử lý nợ xấu lại có thể làm kéo dài quá trình thu hồi nợ, nhất là khi bên bảo đảm

không hợp tác, tài sản bị chiếm giữ, hồ sơ tài sản thiếu đồng bộ hoặc có sự né tránh phối hợp của các chủ thể liên quan.

Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã tạo ra một cơ chế pháp lý đặc thù, trong đó quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là một trong những nội dung có ý nghĩa đột phá [2]. Tuy nhiên, do Nghị quyết 42 mang tính thí điểm, cơ chế này không thể thay thế một khuôn khổ pháp luật ổn định, có hiệu lực lâu dài và được tích hợp trong đạo luật điều chỉnh hoạt động của tổ chức tín dụng. Việc Quốc hội ban hành Luật số 96/2025/QH15, bổ sung Điều 198a về quyền thu giữ tài sản bảo đảm vào Luật Các tổ chức tín dụng, vì vậy, đánh dấu một bước chuyển quan trọng từ mô hình thí điểm sang mô hình luật định chính thức [5].

Từ góc độ khoa học pháp lý, quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không chỉ là một công cụ kỹ thuật phục vụ thu hồi nợ, mà còn là điểm giao giữa pháp luật ngân hàng, pháp luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, pháp luật thi hành án dân sự, pháp luật phá sản và các bảo đảm pháp lý về quyền tài sản, quyền cư trú, điều kiện sinh kế tối thiểu của cá nhân. Do đó, vấn đề cần nghiên cứu không dừng lại ở câu hỏi tổ chức tín dụng có quyền thu giữ hay không, mà phải được mở rộng thành câu hỏi quyền thu giữ đó được thiết kế, giới hạn, kiểm soát và thực thi như thế nào để vừa bảo đảm hiệu quả xử lý nợ xấu, vừa không làm suy giảm các nguyên tắc nền tảng của Nhà nước pháp quyền.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bản chất pháp lý của quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu

Quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cần được nhận diện trước hết như một phương thức hỗ trợ thực hiện quyền xử lý tài sản bảo đảm, chứ không phải là một quyền độc lập, tách rời khỏi nghĩa vụ được bảo đảm. Quyền này chỉ phát sinh khi khoản nợ đã rơi vào tình trạng nợ xấu, đã xuất hiện căn cứ xử lý tài sản bảo đảm theo Bộ luật Dân sự, và các bên đã có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm được

quyền thu giữ tài sản trong trường hợp phát sinh quyền xử lý. Như vậy, nền tảng đầu tiên của quyền thu giữ vẫn là quan hệ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong đó tài sản được dùng để bảo đảm cho một nghĩa vụ tín dụng cụ thể.

Điểm đặc thù nằm ở chỗ, trong quan hệ tín dụng thông thường, khi bên bảo đảm không giao tài sản, bên nhận bảo đảm phải sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền can thiệp theo trình tự tố tụng. Đối với khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, Nghị quyết 42 trước đây và Luật số 96/2025/QH15 hiện nay cho phép thiết lập một cơ chế thu giữ ngoài tố tụng, nhưng chỉ trong điều kiện pháp luật quy định rõ ràng. Cơ chế này không trao cho tổ chức tín dụng quyền cưỡng chế theo nghĩa quyền lực nhà nước, mà cho phép tổ chức tín dụng hiện thực hóa thỏa thuận bảo đảm trong khuôn khổ có điều kiện, có công khai, có sự chứng kiến hoặc hỗ trợ về an ninh, trật tự của cơ quan công quyền cấp cơ sở [2,5].

Do đó, quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là một dạng quyền tư được luật hóa với cơ chế hỗ trợ công quyền có giới hạn. Đây là quyền phát sinh từ hợp đồng nhưng được pháp luật chuyên ngành trao thêm năng lực thực thi, nhằm xử lý tình trạng bất cân xứng giữa quyền chủ nợ có bảo đảm trên giấy tờ và khả năng kiểm soát tài sản trong thực tế. Chính vì vậy, quyền thu giữ phải được hiểu như một công cụ pháp lý có tính ngoại lệ so với cơ chế xử lý tài sản thông thường trong Bộ luật Dân sự, và tính ngoại lệ này chỉ chính đáng khi được đặt trong những điều kiện áp dụng nghiêm ngặt.

2.2. Bước tiến lập pháp của Luật số 96/2025/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2025

Luật số 96/2025/QH15 tạo ra bước tiến lập pháp trước hết ở việc đưa quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu vào Luật Các tổ chức tín dụng. Nếu Nghị quyết số 42 là một giải pháp chính sách mang tính thí điểm, thì Điều 198a của Luật Các tổ chức tín dụng sau sửa đổi đã biến quyền thu giữ thành một chế định pháp luật chính thức. Sự thay đổi này có ý nghĩa quan trọng về tính ổn định, tính

dự báo và tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Tổ chức tín dụng không còn phải dựa vào một cơ chế thí điểm có thời hạn, còn bên bảo đảm và các chủ thể liên quan cũng có cơ sở pháp lý rõ hơn để nhận diện phạm vi quyền, nghĩa vụ và giới hạn trách nhiệm của mình.

Bước tiến thứ hai là Luật số 96/2025/QH15 thiết kế quyền thu giữ theo mô hình điều kiện tích lũy. Theo Điều 198a, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được thu giữ tài sản bảo đảm khi đồng thời đáp ứng các điều kiện: đã xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo Điều 299 Bộ luật Dân sự; hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về quyền thu giữ; biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba; tài sản không thuộc các trường hợp đang tranh chấp, bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bị kê biên hoặc bị tạm đình chỉ xử lý theo pháp luật phá sản; tài sản đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ; và bên nhận bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin [5]. Cách thiết kế này cho thấy nhà lập pháp không tuyệt đối hóa quyền của tổ chức tín dụng, mà đặt quyền đó trong cấu trúc kiểm soát nhiều tầng.

Đáng chú ý, điều kiện “biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba” thể hiện bước phát triển so với cách tiếp cận trước đây vốn nhấn mạnh nhiều vào việc đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiệu lực đối kháng không chỉ là vấn đề kỹ thuật đăng ký, mà là cơ sở để xác định quyền của bên nhận bảo đảm trong quan hệ với người thứ ba. Khi gắn quyền thu giữ với hiệu lực đối kháng, Luật buộc tổ chức tín dụng phải quản trị hồ sơ bảo đảm một cách chặt chẽ hơn, từ khâu xác lập hợp đồng, đăng ký biện pháp bảo đảm, kiểm tra tình trạng pháp lý tài sản đến lưu giữ chứng cứ về quyền ưu tiên.

Bước tiến thứ ba là Luật số 96/2025/QH15 tăng cường tính minh bạch của thủ tục thu giữ. Đối với bất động sản, việc công khai thông tin phải được thực hiện chậm nhất 15 ngày trước ngày thu giữ, với các nội dung về thời gian, địa điểm, tài sản và lý do thu giữ. Thông tin phải được đăng tải trên trang

thông tin điện tử của bên nhận bảo đảm, gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản, niêm yết tại các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan, đồng thời thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo phương thức luật định [5]. Đối với động sản, tuy thời hạn công khai không được thiết kế giống bất động sản, nhưng Luật vẫn yêu cầu công khai thông tin về tài sản và lý do thu giữ trước khi tiến hành thu giữ. Những quy định này góp phần chuyển quyền thu giữ từ một hành vi đơn phương có thể gây xung đột thành một quy trình pháp lý có thông báo, có dấu vết chứng cứ và có khả năng kiểm tra.

Bước tiến thứ tư là việc xác định vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã. Theo Điều 198a, các cơ quan này thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ; trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ [5]. Quy định này có ý nghĩa thực tiễn lớn, bởi một trong những điểm nghẽn của quá trình xử lý tài sản bảo đảm là sự thiếu phối hợp hoặc e ngại trách nhiệm của chính quyền cơ sở. Tuy nhiên, cần hiểu đúng vai trò của chính quyền và công an cấp xã là hỗ trợ trật tự và chứng kiến sự kiện pháp lý, không phải là chủ thể thẩm định thay tính hợp pháp của toàn bộ giao dịch bảo đảm hoặc thay tổ chức tín dụng thực hiện quyền thu giữ.

Bước tiến thứ năm là Luật giới hạn việc ủy quyền thu giữ và cấm áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội. Quy định này có giá trị phòng ngừa rủi ro “xã hội hóa tùy tiện” hoạt động thu giữ tài sản, nhất là trong bối cảnh thực tiễn có thể phát sinh việc sử dụng các tổ chức, cá nhân không có năng lực pháp lý phù hợp để gây sức ép đối với bên bảo đảm. Khi chỉ cho phép ủy quyền trong phạm vi các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng hoặc các chủ thể được luật định, Luật đã đặt hoạt động thu giữ trong phạm vi trách nhiệm tổ chức rõ ràng hơn [5].

Bên cạnh Điều 198a, các Điều 198b và 198c cũng có vai trò bổ trợ quan trọng. Điều 198b xử lý mối quan hệ giữa tài sản đang được dùng làm bảo đảm cho khoản nợ xấu với việc kê biên trong thi hành án dân sự. Điều 198c cho phép hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự khi việc hoàn trả không ảnh hưởng đến xử lý vụ án và thi hành án hình sự [5]. Trong 2 quy định này góp phần giảm nguy cơ tài sản bảo đảm bị “đóng băng” kéo dài trong các thủ tục pháp lý khác, qua đó tăng tính khả thi của quyền xử lý tài sản bảo đảm.

2.3. Những vấn đề đặt ra trong thực thi quyền thu giữ tài sản bảo đảm trong pháp luật Việt Nam hiện hành

Mặc dù Luật số 96/2025/QH15 đã tạo lập nền tảng pháp lý rõ ràng hơn, việc áp dụng quyền thu giữ tài sản bảo đảm vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện.

Vấn đề thứ nhất là xác định khoản nợ xấu làm căn cứ áp dụng quyền thu giữ. Luật Các tổ chức tín dụng sau sửa đổi xác định nợ xấu thuộc Chương XII bao gồm nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro nhưng chưa thu hồi được và đang theo dõi ngoài bảng, cũng như nợ xấu mà tổ chức mua bán, xử lý nợ đã mua nhưng chưa thu hồi được [5]. Tuy nhiên, trong thực tiễn, việc xác định nợ xấu còn phụ thuộc vào quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ, hồ sơ tín dụng, tình trạng cơ cấu lại khoản vay và thời điểm chuyển nhóm nợ. Nếu căn cứ xác định nợ xấu không được chứng minh đầy đủ, quyền thu giữ có thể bị tranh chấp ngay từ điều kiện khởi đầu.

Vấn đề thứ hai là cơ chế chứng minh tài sản không thuộc trường hợp đang tranh chấp, bị kê biên, bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc bị tạm đình chỉ xử lý theo pháp luật phá sản. Đây là điều kiện có tính bảo vệ người thứ ba và bảo vệ trật tự tố tụng, nhưng lại đòi hỏi tổ chức tín dụng phải có khả năng tra cứu, xác minh tình trạng pháp lý của tài sản trước thời điểm thu giữ. Trong điều kiện dữ liệu về đăng ký tài sản, thi hành án, tố tụng và phá sản chưa được liên thông đầy đủ, tổ chức tín dụng có thể gặp

khó khăn trong việc chứng minh mình đã kiểm tra cẩn trọng. Ngược lại, bên bảo đảm cũng có thể lợi dụng việc khởi kiện hoặc tạo lập tình trạng tranh chấp giả tạo để trì hoãn xử lý tài sản.

Vấn đề thứ ba liên quan đến tài sản bảo đảm là chỗ ở duy nhất hoặc công cụ lao động chủ yếu, duy nhất của bên bảo đảm là cá nhân. Nghị định số 304/2025/NĐ-CP đã đưa ra cách tiếp cận nhân văn hơn khi yêu cầu, trong một số trường hợp, bên nhận bảo đảm phải trích khoản tiền tương ứng 12 tháng lương tính theo mức lương tối thiểu đối với chỗ ở duy nhất, hoặc 6 tháng lương đối với công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất không hình thành từ vốn vay [6]. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này có thể phát sinh nhiều câu hỏi: chỗ ở duy nhất được xác định theo quyền sở hữu hay theo nơi cư trú thực tế; tài sản thuộc sở hữu chung được xử lý thế nào; người phụ thuộc, người chưa thành niên hoặc người cao tuổi đang cư trú trong tài sản có được xem xét như một yếu tố hạn chế thu giữ hay không; thời điểm trích khoản tiền hỗ trợ được xác định trước, trong hay sau khi thu giữ. Nếu không có hướng dẫn chi tiết, quy định bảo vệ có thể khó vận hành thống nhất.

Vấn đề thứ tư là thiếu cơ chế phản hồi hoặc kiểm soát trước thu giữ. Luật hiện hành quy định nghĩa vụ công khai thông tin, nhưng chưa thiết kế đầy đủ thủ tục để bên bảo đảm trình bày căn cứ phản đối việc thu giữ trước thời điểm thu giữ, chẳng hạn khi hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận hợp lệ, tài sản đang có tranh chấp, hoặc việc thông báo không đúng địa chỉ. Nếu không có cơ chế phản hồi hợp lý, xung đột có thể chuyển từ tranh luận pháp lý sang phản ứng thực địa tại thời điểm thu giữ. Điều này không chỉ làm tăng rủi ro mất trật tự, mà còn có thể làm giảm tính chính đáng của quyền thu giữ.

Vấn đề thứ năm là vai trò của chính quyền cấp xã và công an cấp xã cần được hướng dẫn theo hướng rõ trách nhiệm nhưng không hành chính hóa quá mức quyền dân sự. Nếu chính quyền cấp xã từ chối phối hợp vì e ngại trách nhiệm, quyền thu giữ có thể bị vô hiệu hóa trên thực tế. Ngược lại, nếu chính

quyền được hiểu như chủ thể “bảo lãnh” cho tính hợp pháp của việc thu giữ, cơ quan hành chính cơ sở có thể bị đặt vào vị trí không phù hợp với chức năng của mình. Vì vậy, cần phân định rõ: tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về căn cứ pháp lý của quyền thu giữ; Ủy ban nhân dân cấp xã chứng kiến và ghi nhận sự kiện; cơ quan công an cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự; còn tranh chấp về tính hợp pháp của việc thu giữ thuộc thẩm quyền xem xét của cơ quan tài phán có thẩm quyền.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền thu giữ tài sản bảo đảm

Thứ nhất, cần ban hành hướng dẫn thống nhất về hồ sơ pháp lý trước khi thu giữ. Hồ sơ này nên bao gồm tài liệu xác định khoản nợ xấu, hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận quyền thu giữ, chứng cứ về hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm, kết quả rà soát tình trạng tranh chấp, kê biên, biện pháp khẩn cấp tạm thời, phá sản, tài liệu công khai thông tin và phương án tổ chức thu giữ. Việc chuẩn hóa hồ sơ không chỉ giúp tổ chức tín dụng tuân thủ pháp luật, mà còn tạo cơ sở để chính quyền địa phương, bên bảo đảm và cơ quan tài phán kiểm tra khi cần thiết.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế phản hồi trước thu giữ. Sau khi nhận thông báo, bên bảo đảm hoặc người đang giữ tài sản nên có một thời hạn hợp lý để cung cấp tài liệu chứng minh tài sản không đủ điều kiện thu giữ. Cơ chế này không nhằm làm suy yếu quyền thu giữ, mà nhằm bảo đảm quyền thu giữ được thực hiện trong điều kiện pháp lý rõ ràng, hạn chế xung đột và giảm chi phí tranh chấp hậu thu giữ.

Thứ ba, cần hướng dẫn chi tiết hơn về chỗ ở duy nhất và công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất. Hướng dẫn nên làm rõ tiêu chí xác định, tài liệu chứng minh, trách nhiệm xác minh, thời điểm trích khoản tiền hỗ trợ và cách xử lý trường hợp bên bảo đảm không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không trung thực. Đối với chỗ ở duy nhất, cần cân nhắc bổ sung các yếu tố xã hội như người phụ thuộc, người chưa thành niên, người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang cư trú thực tế, nhằm bảo đảm

việc xử lý nợ xấu không tạo ra tác động xã hội vượt quá mức cần thiết.

Thứ tư, cần tăng cường liên thông dữ liệu giữa tổ chức tín dụng, cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm, cơ quan đăng ký đất đai, Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan quản lý phá sản. Điều kiện tài sản không đang tranh chấp, không bị kê biên, không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý chỉ có thể được kiểm tra hiệu quả khi các cơ sở dữ liệu pháp lý được cập nhật, liên thông và có cơ chế tra cứu hợp pháp.

Thứ năm, các tổ chức tín dụng cần xây dựng quy định nội bộ về trình tự, thủ tục thu giữ theo đúng yêu cầu của Luật số 96/2025/QH15. Quy định nội bộ phải bao gồm tiêu chuẩn thẩm định hồ sơ, trình tự thông báo, nguyên tắc làm việc với chính quyền địa phương, mẫu biên bản thu giữ, quy trình ghi nhận hình ảnh, âm thanh nếu cần thiết, quy tắc ứng xử với bên bảo đảm và cơ chế kiểm soát nội bộ đối với hoạt động ủy quyền thu giữ. Hoạt động thu giữ càng có khả năng phát sinh xung đột thì càng cần được quản trị bằng chuẩn mực tuân thủ cao.

Thứ sáu, cần xây dựng quy chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và chính quyền địa phương về thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm. Quy chế này cần xác định rõ phạm vi hỗ trợ của công an cấp xã, trách nhiệm chứng kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, cách xử lý khi bên bảo đảm vắng mặt, không hợp tác hoặc có hành vi cản trở, cũng như cách ghi nhận những trường hợp phát sinh tranh chấp tại thời điểm thu giữ. Một quy chế phối hợp rõ ràng sẽ giúp giảm tình trạng thực thi tùy nghi giữa các địa phương.

4. Kết luận

Quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo Luật số 96/2025/QH15 là một bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về xử lý nợ xấu ở Việt Nam. Việc đưa quyền thu giữ vào Luật Các tổ chức tín dụng giúp chuyển hóa kinh nghiệm thí điểm của Nghị quyết 42 thành cơ chế

luật định ổn định hơn, minh bạch hơn và có khả năng dự báo cao hơn. Với các điều kiện tích lũy về căn cứ xử lý, thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm, hiệu lực đối kháng, tình trạng pháp lý của tài sản, công khai thông tin và điều kiện do Chính phủ quy định, quyền thu giữ đã được thiết kế như một quyền có giới hạn, không phải một đặc quyền tuyệt đối của tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, giá trị của bước tiến lập pháp này phụ thuộc quyết định vào chất lượng thực thi. Nếu thiếu cơ chế chứng minh khoản nợ xấu, thiếu dữ liệu về tình trạng pháp lý của tài sản, thiếu quy trình phản hồi trước thu giữ, thiếu hướng dẫn về tài sản gắn với

chỗ ở và sinh kế của cá nhân, hoặc thiếu phối hợp thống nhất giữa ngân hàng và chính quyền địa phương, quyền thu giữ vẫn có nguy cơ bị vô hiệu hóa trong thực tế hoặc bị thực hiện theo cách gây tranh chấp. Vì vậy, hướng hoàn thiện phù hợp không phải là mở rộng quyền thu giữ bằng mọi giá, mà là làm cho quyền này trở nên minh bạch, có kiểm soát, có trách nhiệm và có khả năng thực thi. Chỉ khi đó, cơ chế thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu mới thực sự góp phần xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn tín dụng và duy trì sự cân bằng cần thiết giữa hiệu quả thị trường với yêu cầu bảo vệ quyền trong Nhà nước pháp quyền ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

- [1] Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015. Hà Nội.
- [2] Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017). Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Hà Nội.
- [3] Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022). Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 về Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV. Hà Nội.
- [4] Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024. Hà Nội.
- [5] Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Luật số 96/2025/QH15 ngày 27/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng. Hà Nội.
- [6] Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Nghị định số 304/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ. Hà Nội.
- [7] Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Hà Nội.
- [8] Lê Thị Thu Thủy (2016). Bảo đảm sự thuận lợi, công bằng và hợp lý trong việc tự xử lý tài sản bảo đảm khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Chuyên san Luật học, Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội, 32(2), 51-58.
- [9] Đoàn Thị Phương Diệp, Lưu Minh Sang (2021). Quyền thu giữ tài sản bảo đảm trong pháp luật của Pháp, Hoa Kỳ và một số gợi mở cho Việt Nam. Tạp chí Ngân hàng số 12/2021.
- [10] Vũ Thị Hồng Yến (2020). Thi hành án tín dụng ngân hàng đối với các khoản vay có biện pháp bảo đảm: Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật. Tạp chí Ngân hàng, số 5/2020.
- [11] UNCITRAL (2007). Legislative Guide on Secured Transactions. United Nations, New York.
- [12] World Bank (2021). Principles for Effective Insolvency and Creditor/Debtor Regimes. Revised 2021, World Bank, Washington D.C.

Ngày nhận bài: 15/03/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 01/04/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/04/2026

THE RIGHT TO SEIZE COLLATERAL OF NON-PERFORMING LOANS UNDER LAW NO. 96/2025/QH15

● LAM NGUYEN THIEN NHON

Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank)

ABSTRACT:

This study examines the legal framework governing the right to seize collateral for non-performing loans under Law No. 96/2025/QH15 amending and supplementing several provisions of the Law on Credit Institutions in Vietnam. Employing normative legal analysis, historical interpretation, and policy-oriented approaches, the study clarifies the transition from the pilot mechanism established under Resolution No. 42/2017/QH14 to a formally codified statutory mechanism. The findings indicate that Law No. 96/2025/QH15 represents a significant advancement in the legal treatment of non-performing loans by formally recognizing the right to seize collateral at the legislative level, establishing stricter conditions for its application, strengthening requirements for transparency and information disclosure, and defining the supporting responsibilities of commune-level authorities and police agencies during the enforcement process. The study further highlights both the legal significance and practical implications of institutionalizing the seizure mechanism in enhancing debt recovery efficiency and improving credit risk management within the banking sector. On this basis, the study proposes several legal and institutional measures aimed at refining the regulatory framework and improving the effectiveness of implementing the right to seize collateral for non-performing loans in Vietnam.

Keywords: non-performing loans, collateral, seizure right, credit institutions, Law No. 96/2025/QH15.